

Số: **3865**/QĐ-TCHQ

Hà Nội, ngày **27** tháng 12 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế quản lý tài chính đối với Ban quản lý các dự án đầu tư xây dựng của Tổng cục Hải quan thuộc Vụ Tài vụ - Quản trị

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC HẢI QUAN

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 01/2002/QH11 ngày 16/12/2002;

Căn cứ Luật Xây dựng số 16/2003/QH11 ngày 26/11/2003 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của các Luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản số 38/2009/QH12 ngày 19/6/2009 của Quốc hội;

Căn cứ Quyết định số 02/2010/QĐ-TTg ngày 15/01/2010 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Hải quan trực thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình và Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/09/2009 của Chính phủ, sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 12/2009/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư số 04/2010/TT-BXD ngày 26/5/2010 của Bộ Xây dựng hướng dẫn lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BTC ngày 06/01/2014 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước và vốn trái phiếu Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 97/2010/TT-BTC ngày 06/7/2010 của Bộ Tài chính về việc quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và các đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 957/QĐ-BXD ngày 29/9/2009 của Bộ Xây dựng về việc công bố định mức chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 1441/QĐ-BTC ngày 14/6/2011 của Bộ Tài chính về việc ban hành quy chế quản lý tài chính và biên chế đối với Tổng cục thuế và Tổng cục Hải quan giai đoạn 2011-2015;

Căn cứ Quyết định số 2298/QĐ-BTC ngày 06/9/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định Phân cấp, ủy quyền và tổ chức thực hiện đối với lĩnh vực tài chính, tài sản, đầu tư xây dựng, kiểm tra, kiểm toán nội bộ, ứng dụng công nghệ

thông tin, mua sắm tập trung trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, dự án vay nợ, viện trợ thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 2900/QĐ-BTC ngày 01/10/2014 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan quy định Phân cấp, ủy quyền và tổ chức thực hiện đối với lĩnh vực tài chính, tài sản, đầu tư xây dựng, kiểm tra, kiểm toán nội bộ, ứng dụng công nghệ thông tin, mua sắm tập trung trong các đơn vị thuộc ngành Hải quan;

Căn cứ Quyết định số 1233/QĐ-TCHQ ngày 30/6/2011 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan về việc ban hành Quy chế quản lý tài chính đối với các đơn vị thuộc ngành Hải quan giai đoạn 2011-2015;

Căn cứ Quyết định số 2958/QĐ-TCHQ ngày 08/10/2014 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan về việc thành lập Ban quản lý các dự án đầu tư xây dựng của Tổng cục Hải quan thuộc Vụ Tài vụ - Quản trị;

Căn cứ Quyết định số ~~3863~~ 3863/QĐ-TCHQ ngày ~~27~~ 27/12/2014 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban quản lý các dự án đầu tư xây dựng của Tổng cục Hải quan thuộc Vụ Tài vụ - Quản trị;

Xét đề nghị của Trưởng ban Ban quản lý các dự án đầu tư xây dựng của Tổng cục Hải quan thuộc Vụ Tài vụ - Quản trị và Vụ trưởng Vụ Tài vụ - Quản trị,

QUYẾT ĐỊNH:


Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Quy chế quản lý tài chính đối với Ban quản lý các dự án đầu tư xây dựng của Tổng cục Hải quan thuộc Vụ Tài vụ - Quản trị" thực hiện nhiệm vụ giúp chủ đầu tư quản lý các dự án đầu tư xây dựng theo quy định phân cấp về quản lý đầu tư xây dựng của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Tài vụ - Quản trị, Thủ trưởng các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp thuộc Tổng cục Hải quan, Trưởng ban Ban quản lý các dự án đầu tư xây dựng của Tổng cục Hải quan thuộc Vụ Tài vụ - Quản trị chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *Uey*

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ Tài chính (để báo cáo);
- Lãnh đạo TCHQ (để báo cáo);
- KBNN;
- Lưu: VT, Vụ TVQT (03b).

KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG



[Signature]

Hoàng Việt Cường

QUY CHẾ

**Quản lý tài chính đối với Ban quản lý các dự án đầu tư xây dựng của
Tổng cục Hải quan thuộc Vụ Tài vụ - Quản trị**
(Ban hành kèm theo Quyết định số **3865** /QĐ-TCHQ
ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan)

Chương I **QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Quy chế này quy định việc quản lý, sử dụng các nguồn tài chính được cấp có thẩm quyền giao đối với Ban quản lý các dự án đầu tư xây dựng của Tổng cục Hải quan (sau đây viết tắt là Ban QL các DA ĐTXD) để thực hiện và quản lý các dự án đầu tư xây dựng theo phân cấp của Tổng cục Hải quan.

Điều 2. Mục tiêu, yêu cầu

1. Nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng các nguồn tài chính trong công tác đầu tư xây dựng, đảm bảo thực hiện theo đúng quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đẩy nhanh tiến độ triển khai đáp ứng yêu cầu hiện đại hoá cơ sở vật chất phục vụ nhiệm vụ chuyên môn của các cơ quan, đơn vị thuộc Tổng cục Hải quan.

2. Ban QL các DA ĐTXD thực hiện quản lý, sử dụng các nguồn tài chính được giao đúng quy định của Nhà nước và các quy định tại Quy chế này; cụ thể:

2.1. Đối với kinh phí đảm bảo hoạt động thường xuyên phải tuân thủ theo đúng quy định của Luật NSNN về lập, phân bổ, giao dự toán, chấp hành dự toán và quyết toán NSNN; nội dung, mức chi thực hiện theo quy định hiện hành đối với cơ quan nhà nước và quy định tại Quy chế này;

Các khoản chi hành chính tổ chức thực hiện quản lý dự án của Ban quản lý từng dự án đầu tư xây dựng cụ thể (các khoản chi không liên quan trực tiếp đến thực hiện đầu tư xây dựng công trình) được bố trí trong dự toán chi đảm bảo hoạt động thường xuyên của Ban QL các DA ĐTXD và thống nhất quản lý, thanh toán, quyết toán theo quy định.

2.2. Đối với nguồn vốn đầu tư phải chấp hành đúng quy định của pháp luật về chế độ quản lý nguồn vốn đầu tư; chi phí đầu tư xây dựng công trình

được theo dõi, quản lý theo từng dự án, phù hợp với các giai đoạn đầu tư xây dựng công trình, nguồn vốn và quy định hiện hành của Nhà nước.

3. Phần ứng dụng công nghệ thông tin trong dự án đầu tư xây dựng công trình được thực hiện theo quy định của Nhà nước, của Bộ Tài chính về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

4. Ban QL các DA ĐTXD chịu trách nhiệm toàn diện về việc quản lý, sử dụng kinh phí hoạt động thường xuyên, kinh phí đầu tư xây dựng được giao.

5. Ban QL các DA ĐTXD chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp (Vụ Tài vụ - Quản trị), các cơ quan có thẩm quyền trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao.

Chương II.

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

MỤC 1. NGUỒN TÀI CHÍNH VÀ CÁC NỘI DUNG CHI

Điều 3. Nguồn tài chính

1. Nguồn kinh phí đảm bảo hoạt động thường xuyên của Ban QL các DA ĐTXD, gồm:

1.1. Dự toán chi đảm bảo hoạt động thường xuyên được cơ quan quản lý cấp trên giao dự toán hàng năm;

1.2. Chi quản lý dự án được trích theo quy định của từng dự án;

1.3. Nguyên tắc sử dụng kinh phí:

- Kinh phí quản lý dự án được trích theo quy định của từng dự án: chi các nội dung trực tiếp liên quan đến quản lý dự án như: chi phụ cấp kiêm nhiệm, chi lương chuyên gia và các khoản chi khác liên quan đến hoạt động của từng dự án cụ thể (trừ các nội dung đã chi từ nguồn kinh phí đảm bảo hoạt động thường xuyên);

- Kinh phí đảm bảo hoạt động thường xuyên: chi tiền lương, các khoản phụ cấp lương (trừ phụ cấp kiêm nhiệm quản lý dự án) và các khoản chi phục vụ hoạt động chung của Ban QL các DA ĐTXD.

2. Nguồn kinh phí đầu tư xây dựng:

2.1. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản tập trung;

2.2. Nguồn chi đầu tư xây dựng trong dự toán chi NSNN được giao hàng năm theo cơ chế tài chính của Tổng cục Hải quan;

2.3. Nguồn vốn vay nợ, viện trợ và nguồn hợp pháp khác (nếu có).

3. Các khoản thu khác theo quy định (nếu có).

Điều 4. Nội dung, mức chi đảm bảo hoạt động thường xuyên

Nội dung, mức chi đảm bảo hoạt động thường xuyên của Ban QL các DA ĐTXD được thực hiện theo các quy định hiện hành; cụ thể như sau:

1. Chi tiền lương: Tiền lương ngạch, bậc của cán bộ, công chức, người lao động (viết tắt là CBCC) làm việc tại Ban QL các DA ĐTXD thực hiện theo quy định của cơ chế quản lý tài chính và Quy chế chi tiêu nội bộ của Tổng cục Hải quan và được bố trí trong dự toán chi NSNN hàng năm được giao.

2. Tiền công trả cho lao động theo hợp đồng, gồm: chuyên gia, lái xe, bảo vệ, vệ sinh, trông giữ phương tiện đi lại của CBCC và khách đến làm việc, các công việc khác (nếu có) theo quy định của nhà nước về chế độ lao động hợp đồng trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp.

Cá nhân làm việc theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn (trừ đối tượng chuyên gia ký hợp đồng theo quy định trong nội dung chi đầu tư xây dựng) được hưởng các chế độ, chính sách như CBCC của Ban QL các DA ĐTXD.

3. Phụ cấp lương:

3.1. Phụ cấp lương bao gồm: phụ cấp chức vụ; phụ cấp khu vực, thu hút, đất đỏ; phụ cấp làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ; phụ cấp độc hại, nguy hiểm; phụ cấp lưu động; phụ cấp trách nhiệm; phụ cấp công vụ; phụ cấp ưu đãi theo công việc, theo ngành; phụ cấp thâm niên nghề, thâm niên vượt khung; phụ cấp kiêm nhiệm và phụ cấp khác (nếu có) theo quy định của pháp luật.

3.2. CBCC của Tổng cục làm việc tại Ban QL các DA ĐTXD được hưởng đầy đủ chế độ phụ cấp lương theo quy định hiện hành của Quy chế chi tiêu nội bộ của Tổng cục Hải quan.

3.3. Đối với phụ cấp kiêm nhiệm quản lý dự án:

a) CBCC của Ban QL các DA ĐTXD, CBCC của các đơn vị được phân công làm việc kiêm nhiệm quản lý dự án tại một Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng cụ thể do Vụ trưởng Vụ Tài vụ - Quản trị quyết định thành lập được hưởng phụ cấp quản lý dự án theo tỷ lệ tương ứng với thời gian làm việc tại dự án. Mức chi phụ cấp kiêm nhiệm quản lý dự án một tháng cho một cá nhân tối đa bằng 50% tiền lương và phụ cấp chức vụ, phụ cấp thâm niên vượt khung, thâm niên nghề (nếu có) theo quy định tại Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên

chức và lực lượng vũ trang một tháng được hưởng của cá nhân đó (không tính theo mức lương của cơ chế tài chính đặc thù).

b) Trường hợp CBCC được phân công làm kiêm nhiệm ở nhiều Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng cụ thể thì mức phụ cấp quản lý dự án kiêm nhiệm được xác định tương ứng với tỷ lệ thời gian làm việc cho từng dự án, nhưng tổng mức phụ cấp của tất cả các dự án làm kiêm nhiệm tối đa bằng 100% mức lương theo cấp bậc, phụ cấp chức vụ, phụ cấp thâm niên vượt khung, thâm niên nghề (nếu có) theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang một tháng được hưởng của cá nhân đó (không tính theo mức lương của cơ chế tài chính đặc thù).

c) Những người đã hưởng lương từ quỹ lương được bố trí trong dự toán chi phí quản lý dự án hàng năm của Ban QL các DA ĐTXD không được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm.

3.4. Các khoản phụ cấp khu vực, thu hút, đất đỏ, làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ, độc hại, nguy hiểm, lưu động, trách nhiệm, công vụ, ưu đãi, phụ cấp kiêm nhiệm và các khoản phụ cấp khác (nếu có) không dùng để tính đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn.

3.5. Ngoài tiền lương theo quy định tại khoản 1 và các khoản phụ cấp được hưởng theo quy định tại khoản 3 điều này, CBCC làm việc tại Ban QL các DA ĐTXD được cơ quan Tổng cục đảm bảo các khoản thu nhập tăng thêm, bổ sung thu nhập, tiền thưởng từ tiết kiệm chi phí hoạt động thường xuyên theo quy định của cơ chế quản lý tài chính, quy chế chi tiêu nội bộ và các khoản chi phúc lợi khác tương tự đối với CBCC của cơ quan, đơn vị. Ban QL các DA ĐTXD không thực hiện xác định tiết kiệm chi từ nguồn kinh phí đảm bảo hoạt động thường xuyên được giao, được phê duyệt.

4. Chi tiền thưởng; bao gồm: thưởng thường xuyên, thưởng đột xuất theo quyết định của cấp thẩm quyền (nếu có) và các khoản chi khác liên quan trực tiếp cho công tác khen thưởng theo quy định;

5. Chi phúc lợi tập thể; bao gồm: Thanh toán tiền nghỉ phép năm, nghỉ chế độ, chi trợ cấp khó khăn thường xuyên, trợ cấp khó khăn đột xuất, tiền mua thuốc y tế thông thường, tiền khám bệnh định kỳ;

6. Các khoản đóng góp; bao gồm: bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn;

7. Chi thanh toán dịch vụ công cộng; bao gồm: tiền điện, tiền nước, vệ sinh môi trường, nhiên liệu, khoán phương tiện và các dịch vụ khác;

8. Chi mua vật tư văn phòng; bao gồm: Công cụ, dụng cụ văn phòng, tủ tài liệu, bàn ghế, văn phòng phẩm, vật tư văn phòng khác phục vụ hoạt động thường xuyên;

9. Chi thông tin, tuyên truyền, liên lạc; bao gồm: cước phí bưu chính, cước phí điện thoại, Fax, Internet, sách, báo, tài liệu quản lý và các dịch vụ khác;

10. Chi phí hội nghị, họp giao ban;

11. Chi thanh toán công tác phí;

12. Chi phí thuê mướn: thuê phương tiện đi lại, thiết bị phục vụ các loại, thuê chuyên gia và giảng viên, thuê đào tạo lại cán bộ, chi thuê trụ sở cho các BQL dự án cụ thể, thuê mướn khác;

13. Chi sửa chữa tài sản: Công tác sửa chữa tài sản cố định, thiết bị, phương tiện đi lại (nếu có), phương tiện làm việc phục vụ hoạt động của Ban QL các DA ĐTXD được thực hiện theo quy định hiện hành về bảo dưỡng, sửa chữa tài sản, phương tiện làm việc trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

14. Chi phí mua sắm tài sản dùng cho quản lý dự án;

15. Các khoản chi khác: nộp thuế, phí, lệ phí; bảo hiểm tài sản và phương tiện; tiếp khách và các khoản chi khác phục vụ trực tiếp hoạt động quản lý dự án;

Định mức chi tiêu đối với các khoản chi tại Điều này thực hiện theo quy định hiện hành đối với các cơ quan nhà nước của Nhà nước, Bộ Tài chính và Tổng cục Hải quan.

Điều 5. Nội dung chi đầu tư xây dựng

Nội dung, mức chi đầu tư xây dựng thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình; cụ thể như sau:

1. Chi phí xây dựng bao gồm: chi phí xây dựng các công trình, hạng mục công trình; chi phí phá dỡ các công trình xây dựng; chi phí san lấp mặt bằng xây dựng; chi phí xây dựng công trình tạm, công trình phụ trợ phục vụ thi công; nhà tạm tại hiện trường để ở và điều hành thi công;

2. Chi phí thiết bị bao gồm: chi phí mua sắm thiết bị công nghệ; chi phí đào tạo và chuyển giao công nghệ (nếu có); chi phí lắp đặt, thí nghiệm, hiệu chỉnh; chi phí vận chuyển, bảo hiểm; thuế và các loại phí liên quan khác;

3. Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư bao gồm: chi phí bồi thường nhà, công trình trên đất, các tài sản gắn liền với đất theo quy định được bồi thường và chi phí bồi thường khác; các khoản hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất; chi phí tái định cư; chi phí tổ chức bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; chi phí sử dụng đất trong thời gian xây dựng (nếu có); chi phí đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật (nếu có);

4. Chi phí quản lý dự án bao gồm các chi phí để tổ chức thực hiện quản lý dự án (Nội dung, định mức chi theo quy định tại Điều 4 nêu trên);

5. Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng bao gồm: chi phí tư vấn khảo sát, lập dự án, thiết kế - dự toán, giám sát xây dựng và các chi phí tư vấn khác;

6. Các chi phí cần thiết khác theo quy định (nếu có);

7. Chi phí dự phòng bao gồm: chi phí dự phòng cho khối lượng công việc phát sinh và chi phí dự phòng cho yếu tố trượt giá trong thời gian thực hiện dự án.

Đối với các dự án sử dụng vốn vay nợ, viện trợ, ngoài các nội dung nêu trên nếu trong văn kiện, hoặc thoả thuận còn được bổ sung các khoản mục chi phí cần thiết khác thì thực hiện theo văn kiện, thoả thuận đó.

MỤC 2. LẬP, PHÂN BỐ, GIAO DỰ TOÁN VÀ THÔNG BÁO KẾ HOẠCH VỐN

Điều 6. Lập dự toán

1. Căn cứ văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính, Tổng cục Hải quan; căn cứ nhiệm vụ chi, Ban QL các DA ĐTXD lập dự toán chi trong năm đảm bảo chính xác, đầy đủ các nhiệm vụ chi và báo cáo Chủ đầu tư xem xét thống nhất trước khi báo cáo cơ quan quản lý tài chính cấp trên trực tiếp (không bao gồm dự toán chi phí quản lý dự án được trích của từng dự án cụ thể).

2. Lập dự toán chi phí quản lý dự án được trích báo cáo Chủ đầu tư xem xét phê duyệt theo quy định.

3. Báo cáo dự toán của Ban QL các DA ĐTXD (bao gồm cả dự toán chi phí quản lý dự án) phải được gửi cho cơ quan trực tiếp được giao quản lý, sử dụng công trình để phối hợp triển khai thực hiện.

Điều 7. Giao dự toán, thông báo kế hoạch vốn

1. Nguồn kinh phí đảm bảo hoạt động thường xuyên:

1.1. Đối với dự toán chi đảm bảo hoạt động thường xuyên (vốn Ngành): Căn cứ dự toán chi NSNN được giao Tổng cục trưởng giao dự toán cho Ban QL các DA ĐTXD theo các quy định hiện hành.

1.2. Đối với dự toán chi quản lý dự án được trích theo quy định: Chủ đầu tư thẩm định, phê duyệt dự toán chi phí quản lý theo quy định hiện hành.

2. Nguồn kinh phí đầu tư xây dựng:

2.1. Đối với nguồn kinh phí hỗ trợ đầu tư xây dựng (vốn Ngành): Căn cứ dự toán chi NSNN được giao, Tổng cục trưởng giao dự toán cho Ban QL các DA ĐTXD theo các quy định hiện hành.

2.2. Đối với nguồn vốn ngân sách tập trung: Căn cứ danh mục dự án đầu tư và kế hoạch vốn chi tiết theo từng dự án đầu tư xây dựng được cấp có thẩm quyền phê duyệt, cơ quan có thẩm quyền thông báo kế hoạch vốn đầu tư hàng năm theo từng dự án đầu tư xây dựng cho Ban QL các dự án ĐTXD theo quy định hiện hành.

MỤC 3. CHẤP HÀNH DỰ TOÁN, KẾ TOÁN, QUYẾT TOÁN VÀ KIỂM TRA

Điều 8. Chấp hành dự toán chi đảm bảo hoạt động thường xuyên, thanh toán vốn đầu tư

1. Công tác chấp hành dự toán, chế độ báo cáo tình hình thực hiện dự toán chi đảm bảo hoạt động thường xuyên thực hiện theo quy định của Luật NSNN; Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 6/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật NSNN; Thông tư số 59/2003/TT-BTC ngày 23/6/2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 6/6/2003; Công văn số 4224/BTC-KHTC ngày 30/3/2012 của Bộ Tài chính và văn bản hướng dẫn của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có).

2. Công tác quản lý và thanh toán vốn đầu tư xây dựng, chế độ báo cáo định kỳ tình hình thực hiện đầu tư và giải ngân vốn đầu tư (quý, 6 tháng, cả năm): thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 9. Công tác kế toán

Ban QL các DA ĐTXD phải tổ chức công tác kế toán độc lập; thực hiện mở đầy đủ các sổ kế toán tổng hợp và chi tiết theo đúng quy định hiện hành; phản ánh, hạch toán kế toán đầy đủ, kịp thời các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh theo đúng trình tự thời gian và theo dõi, quản lý theo từng dự án, phù hợp với các giai đoạn đầu tư xây dựng và theo từng nguồn vốn thực hiện đầu tư xây dựng.

Điều 10. Quyết toán chi đảm bảo hoạt động thường xuyên

1. Báo cáo quyết toán chi đảm bảo hoạt động thường xuyên hàng năm được lập sau thời gian chính lý quyết toán ngân sách, số liệu báo cáo quyết toán phải phản ánh đầy đủ các nguồn kinh phí, nội dung thu, chi phát sinh tại đơn vị trong năm ngân sách. Đối với các khoản chi trong dự toán được giao, được phê duyệt nhưng chưa sử dụng được chuyển sang năm sau tiếp tục thực hiện (không thực hiện xác định kinh phí tiết kiệm chi hoạt động thường xuyên trong năm). Trưởng ban và Kế toán trưởng chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Chủ đầu tư, trước đơn vị dự toán cấp trên nếu để ngoài sổ sách các nguồn kinh phí, nội dung thu, chi phát sinh của Ban QL các DA ĐTXD trong năm ngân sách.

2. Báo cáo quyết toán ngân sách năm được lập theo mẫu biểu quy định, các văn bản quy định hiện hành của Nhà nước, của Bộ Tài chính, chi tiết theo từng nguồn kinh phí và gửi cơ quan quản lý cấp trên; trong đó:

2.1. Cơ quan quản lý tài chính cấp trên trực tiếp xét duyệt, thẩm định đối với chi phí quản lý dự án năm quyết toán từ dự toán chi NSNN thường xuyên được giao trong năm, số kinh phí còn dư được chuyển sang năm sau tiếp tục thực hiện (không xác định tiết kiệm chi hoạt động thường xuyên).

2.2. Đối với số quyết toán chi phí quản lý dự án từ nguồn được trích theo định mức quy định trong tổng mức đầu tư, Ban QL các DA ĐTXD lập báo cáo quyết toán và lấy ý kiến xác nhận của Kho bạc Nhà nước nơi mở tài khoản giao dịch về số kinh phí đã thanh toán theo đúng chế độ trong năm, số kinh phí còn dư để làm cơ sở lập dự toán chi phí quản lý dự án năm sau, không phải thẩm định, phê duyệt quyết toán.

Khi dự án hoàn thành, bản giao đưa vào sử dụng, Ban QL các DA ĐTXD lập báo cáo quyết toán chi phí quản lý dự án cùng với hồ sơ quyết toán dự án hoàn thành để trình cấp có thẩm quyền thẩm tra và phê duyệt theo quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước.

3. Thời hạn gửi báo cáo quyết toán: Thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính, Tổng cục Hải quan.

Điều 11. Quyết toán vốn đầu tư thực hiện dự án

1. Quyết toán vốn đầu tư theo niên độ ngân sách hàng năm: Thực hiện theo quy định của Nhà nước, Bộ Tài chính và Tổng cục Hải quan.

2. Quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành: Thực hiện theo quy định của Nhà nước, Bộ Tài chính và Tổng cục Hải quan.

3. Hồ sơ quyết toán hàng năm và quyết toán dự án hoàn thành được lập thành 05 bộ và được lưu giữ tại các cơ quan sau: Cơ quan quản lý tài chính cấp

trên trực tiếp; Ban QL các DA ĐTXD; Chủ đầu tư; Đơn vị được trực tiếp giao quản lý, sử dụng tài sản; Cơ quan lưu trữ (nếu có).

Điều 12. Kiểm tra

1. Định kỳ hoặc đột xuất, Ban QL các DA ĐTXD có trách nhiệm tự tổ chức kiểm tra việc thực hiện quản lý, sử dụng vốn đầu tư, dự toán chi đảm bảo hoạt động thường xuyên theo quy định.

2. Định kỳ hoặc đột xuất, Ban QL các DA ĐTXD chịu sự kiểm tra tình hình quản lý, sử dụng vốn thực hiện đầu tư, dự toán đảm bảo hoạt động thường xuyên; tình hình chấp hành chế độ báo cáo quyết toán dự án hoàn thành của đơn vị quản lý cấp trên, cơ quan Thanh tra, Kiểm toán Nhà nước theo quy định.

MỤC 4. QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN VÀ BÀN GIAO DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH HOÀN THÀNH

Điều 13. Quản lý, sử dụng tài sản

1. Ban QL các DA ĐTXD thực hiện theo đúng phân cấp trong lĩnh vực quản lý tài sản của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Tổng cục Hải quan.

2. Ban QL các DA ĐTXD có trách nhiệm quản lý, sử dụng tài sản, thiết bị được giao, được trang bị và tài sản được thuê (nếu có) để thực hiện nhiệm vụ quản lý dự án đảm bảo đúng tiêu chuẩn, định mức, chế độ quản lý, sử dụng tài sản của Nhà nước; Quy chế quản lý và quy trình nghiệp vụ quản lý, xử lý tài sản trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, các dự án sử dụng vốn nhà nước khi dự án kết thúc thuộc Bộ Tài chính ban hành kèm theo Quyết định số 790/QĐ-BTC ngày 30/3/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và văn bản hướng dẫn của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có).

Điều 14. Bàn giao tài sản sau khi hoàn thành đầu tư xây dựng

1. Việc bàn giao dự án, công trình hoàn thành giữa nhà thầu xây dựng và Ban QL các DA ĐTXD được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng.

2. Trong thời gian 30 ngày kể từ ngày tiếp nhận từ nhà thầu xây dựng, Ban QL các DA ĐTXD phải làm thủ tục báo cáo Chủ đầu tư bàn giao dự án, công trình xây dựng cho cơ quan, đơn vị được giao quản lý, sử dụng.

3. Việc bàn giao dự án, công trình xây dựng giữa Chủ đầu tư và cơ quan, đơn vị được giao trực tiếp quản lý, sử dụng được thực hiện theo trình tự, thủ tục, hồ sơ quy định hiện hành của Nhà nước, quy định của Quy chế quản lý và quy trình nghiệp vụ quản lý, xử lý tài sản trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, các dự án sử dụng vốn nhà nước khi dự án kết thúc thuộc Bộ

Tài chính ban hành kèm theo Quyết định số 790/QĐ-BTC ngày 30/3/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và văn bản hướng dẫn của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có).

4. Ban QL các DA ĐTXD phải thực hiện đầy đủ trách nhiệm bảo hành trong thời gian bảo hành dự án, công trình sau khi đã bàn giao dự án, công trình cho cơ quan, đơn vị được giao trực tiếp quản lý, sử dụng theo quy định.

Chương III.

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 15. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

1. Vụ Tài vụ - Quản trị:

1.1. Chịu trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ Chủ đầu tư theo quy định.

1.2. Chịu trách nhiệm theo dõi, quản lý và giám sát hoạt động của Ban QL các DA ĐTXD và kịp thời báo cáo Tổng cục trưởng về tình hình thực hiện nhiệm vụ của Ban QL các DA ĐTXD.

1.3. Thực hiện nhiệm vụ của cơ quan quản lý tài chính cấp trên trực tiếp theo quy định.

2. Đơn vị trực tiếp được giao quản lý, sử dụng công trình:

2.1. Chủ động và phối hợp chặt chẽ với Ban QL các DA ĐTXD trong quá trình thực hiện dự án đầu tư xây dựng.

2.2. Sắp xếp, bố trí cán bộ tham gia Ban quản lý từng dự án đầu tư xây dựng cụ thể đảm bảo đáp ứng yêu cầu trong quá trình thực hiện đầu tư xây dựng;

2.3. Phối hợp với chủ đầu tư, Ban QL các DA ĐTXD, đơn vị cấp trên tiếp nhận, bàn giao dự án, công trình hoàn thành và quản lý, sử dụng tài sản được bàn giao theo đúng quy định hiện hành.

3. Ban QL các DA ĐTXD:

3.1. Trong phạm vi nguồn vốn thực hiện đầu tư, dự toán chi NSNN được giao, Trưởng ban Ban QL các DA ĐTXD chịu trách nhiệm toàn diện về việc quản lý, sử dụng đảm bảo theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước, của Bộ Tài chính, của Tổng cục Hải quan.

3.2. Phối hợp với đơn vị quản lý cấp trên, đơn vị trực tiếp được giao quản lý, sử dụng công trình lập và báo cáo chủ đầu tư đăng ký danh mục dự án, kế hoạch vốn đầu tư xây dựng, dự toán chi đảm bảo hoạt động thường xuyên hàng năm theo đúng thời gian quy định.

3.3. Chấp hành nghiêm chỉnh các chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất theo quy định của Nhà nước, của Bộ Tài chính, của Tổng cục Hải quan.

3.4. Chủ trì và phối hợp với các đơn vị liên quan trong quá trình thực hiện dự án đầu tư xây dựng; tổ chức công tác bàn giao, tiếp nhận công trình hoàn thành, đưa vào khai thác, sử dụng theo quy định.

4. Ban quản lý từng dự án đầu tư xây dựng cụ thể: Chịu trách nhiệm giúp Ban QL các DA ĐTXD thực hiện các công việc liên quan trong quá trình thực hiện đầu tư xây dựng theo phân cấp.

Điều 16. Khi các văn bản quy định về chế độ, chính sách dẫn chiếu tại Quy chế này có văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng thực hiện theo quy định và hướng dẫn của văn bản mới.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các đơn vị, Ban QL các DA ĐTXD kịp thời phản ánh về Tổng cục Hải quan (Vụ Tài vụ - Quản trị) để xem xét, giải quyết. *Việt*

KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG

Hoàng Việt Cường